

Một số yêu cầu đối với lựa chọn văn bản sử dụng ở phần Đọc hiểu trong đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn Ngữ văn

Nguyễn Phước Bảo Khôi*

*ThS, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Received: 02/12/2023; Accepted: 08/12/2023; Published: 15/12/2023

Abstract: Based on the analysis and synthesis of some documents by the Ministry of Education and Training and publications related to the topic of teaching Literature, this article highlights some essential problems of selecting texts for the high school graduation exam. This result will contribute to developing teachers' skills for designing the reading comprehension exam to meet the purposes and requirements of the high school graduation with 2018 Language Arts and Literature curriculum.

Keywords: Text selection, reading comprehension, high school graduation exam.

1. Đặt vấn đề

Mục tiêu của việc đổi mới chương trình (CT) và sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn sau năm 2018 đặt ra những yêu cầu mới cho vấn đề xác định những nguyên tắc, tiêu chí cụ thể trong việc lựa chọn VB ngữ liệu. Việc sử dụng VB trong phần ĐH của đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) môn Ngữ văn càng trở nên vai trò quan trọng, đặc biệt là khi năm học 2024 – 2025 đang đến gần; thế nhưng trên thực tế, những yêu cầu đối với vấn đề này vẫn còn nhiều khoảng trống về lý thuyết và thực nghiệm. Do đó, chúng tôi cho rằng việc đề xuất một số yêu cầu cho vấn đề này là điều vô cùng cần thiết, có ý nghĩa không chỉ trong thực tế mà còn đóng góp hữu ích về mặt lý luận.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Yêu cầu về nguồn trích dẫn

2.1.1. Cơ sở

Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH ban hành ngày 21 tháng 7 năm 2022 đã pháp lý hóa yêu cầu về nguồn ngữ liệu dùng trong kiểm tra đánh giá. Nội dung 2a và 2b xác định học sinh (HS) cần “vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đọc, viết, nói, nghe vào bối cảnh và ngữ liệu mới”, hơn thế, trong đánh giá phải “tránh dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa làm ngữ liệu xây dựng các đề kiểm tra đọc hiểu và viết để đánh giá chính xác năng lực học sinh, khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.” [1]

Đối tượng của kì thi tốt nghiệp THPT ở lứa tuổi đầu thanh niên. Khi bước vào giai đoạn học tập - hướng nghiệp, đòi hỏi các em phải biết lập luận, sáng tạo, năng động, độc lập, biết hợp tác và biết liên hệ

thực tế cuộc sống khi học tập; chủ động học tập, phải nhận thức được ý nghĩa thực tiễn của bài học và phải có cách nhìn vừa bao quát vừa sâu sắc. Lứa tuổi này cũng phát triển mạnh các hoạt động nhận thức. [2] Khi ý thức về vai trò, vị trí của mình, tất yếu, lứa tuổi này không thích đi vào lối mòn, không chấp nhận những khuôn khổ cũ. Hơn thế, lứa tuổi này cũng có động cơ tiếp xúc đặc biệt với những điều mới lạ, độc đáo.

Thống kê nguồn trích dẫn của các VB được sử dụng trong phần ĐH của đề thi chính thức môn Ngữ văn THPT cấp quốc gia (đề thi tốt nghiệp, đề thi THPT quốc gia, đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng) từ năm 2014 đến 2023 có thể dễ dàng nhận thấy trừ ngữ liệu sử dụng trong đề thi tuyển sinh đại học khối C, D và đề thi cao đẳng năm 2014 thì tất cả các ngữ liệu được sử dụng đều nằm ngoài SGK. Các ngữ liệu này đều được trích từ một tài liệu dạng sách in do NXB uy tín chịu trách nhiệm biên tập, phát hành và đều được ghi rõ năm xuất bản, trích ở/ từ trang bao nhiêu.

2.1.2. Đề xuất

Với những cơ sở đã nêu trên, kết hợp với việc thể hiện sự tôn trọng đối với quyền sở hữu trí tuệ cũng như có thể làm căn cứ hạn chế những tranh cãi có thể phát sinh, chúng tôi tái khẳng định VB sử dụng làm ngữ liệu trong phần ĐH của đề thi THPT môn Ngữ văn phải là VB nằm ngoài SGK Ngữ văn của cả ba bộ sách.

Hơn thế, bên cạnh việc cần được ghi rõ năm xuất bản, trích ở/ từ trang bao nhiêu để tiện cho việc kiểm soát, đối chiếu, để đạt mức độ tin cậy cao, đáp ứng yêu cầu chính xác, chuẩn mực của đề thi THPT, VB được sử dụng làm ngữ liệu trong phần ĐH phải được trích dẫn từ tài liệu dạng sách in do nhà xuất bản

(NXB) uy tín chịu trách nhiệm biên tập, phát hành. Theo chúng tôi, việc khẳng định uy tín của NXB có thể căn cứ vào danh sách các NXB được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước ngành Văn học công nhận, bao gồm 9 NXB của các Đại học và 9 NXB chuyên ngành hoặc tổng hợp. [3]

2.2. Yêu cầu “tương đương VB trong SGK”

2.2.1. Cơ sở

Lí thuyết vùng phát triển gần và kỹ thuật Scaffolding của Vygotsky [4] là cơ sở để chứng minh tầm quan trọng của việc áp dụng công cụ và đồng hành cùng HS trong giai đoạn học tập và xây dựng kiến thức. Trong giai đoạn này, HS sẽ tăng khả năng giải quyết vấn đề một cách độc lập dựa vào các công cụ được cung cấp mà giảm dần phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ bên ngoài. Ngoài ra, khi HS tham gia các kỳ thi nhằm kiểm tra được hiệu quả học tập và sự linh hoạt trong việc áp dụng kiến thức vào thực tế, HS không được nhận thêm những sự hỗ trợ mới mà chỉ có thể vận dụng những sự hỗ trợ được tích lũy từ trước. Do đó, từ lí thuyết trên, để đảm bảo tính thống nhất về kiến thức và khả năng vận dụng, VB được sử dụng trong đề thi cần phải có tính tương đương với những tình huống HS đã giải quyết trong quá trình học tập. Đồng thời, bằng việc kết hợp hệ thống lại những kiến thức, kinh nghiệm sẵn có, áp dụng hướng dẫn tích lũy được khi học tại lớp, các em mới có khả năng tự giải quyết vấn đề tương tự đặt ra trong đề thi một cách hiệu quả.

John Erpenbeck cho rằng NL lấy tri thức làm cơ sở, được qui định bằng các giá trị (chuẩn), hiện thực hóa qua ý chí (sự sẵn sàng/ thái độ tích cực khi thực hiện hoạt động), tăng cường qua kinh nghiệm (lặp đi lặp lại hoạt động cho thành thạo) và được sử dụng như khả năng (gắn với các kĩ năng cụ thể).[5] Quan điểm này tìm thấy sự tương thích với mục tiêu đánh giá NL: nội dung kiểm tra phải tạo ra một hoạt động mô phỏng, xây dựng tình huống mới tương tự như tình huống mà người được đánh giá đã được rèn luyện hay có kinh nghiệm xử lí để xem xét mức độ thành công khi giải quyết tình huống mới nảy sinh.

2.2.2. Đề xuất

Như vậy, với mục đích đánh giá NL ĐH, căn cứ vào những cơ sở nêu trên, GV phải lựa chọn được ngữ liệu ngoài SGK nhưng tương đương (về loại thể, về đề tài – chủ đề, về độ khó/ độ phức tạp,...) với các VB trong SGK Ngữ văn mà HS từng tiếp xúc để các em có thể huy động vốn kiến thức, kĩ năng đã được trau dồi, rèn luyện giúp giải quyết thành công nhiệm vụ ĐH được đặt ra. Điều này cũng thống nhất với yêu

cầu được Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDDT) nêu ra trong ma trận đề thi Ngữ văn bậc THPT.[6]

2.3. Yêu cầu về “tiềm năng khai thác tích hợp và thứ tự ưu tiên” trong lựa chọn VB

2.3.1. Cơ sở

Sự ra đời của hướng dẫn 791/HD-BGDDT, công văn 5555/BGDDT-GDTrH và công văn số 3280/BGDDT-GDTrH là một bước đệm cho việc ra đời cấu trúc bài học Ngữ văn mới trong SGK phục vụ CT Ngữ văn 2018. Theo đó, bài học Ngữ văn mới không còn gắn với tên một VB hay một đơn vị kiến thức thuộc phân môn Tiếng Việt/ Làm văn mà là một chủ đề tích hợp nội môn gồm một số VB và đơn vị kiến thức tương ứng thuộc các phân môn. Khái niệm bài học Ngữ văn mới này tương tự với khái niệm chủ đề học tập/ chủ đề tích hợp. Dù mỗi bộ sách có sự lựa chọn khác nhau trong cách cấu tạo bài học (theo trục chủ đề hay trục thể loại) thì vẫn tuân thủ nguyên tắc tích hợp bốn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; các nội dung dạy học cốt lõi sẽ gồm hai phần chính là kiến thức (văn học, tiếng Việt và giao tiếp) cùng ngữ liệu là những VB thuộc các thể loại khác nhau.

Yêu cầu đổi mới kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn theo định hướng NL [7] nhấn mạnh để đạt được các mục tiêu ĐH theo yêu cầu, trong quá trình học, HS cần thực hiện một số nội dung cơ bản, trong đó có việc vận dụng những hiểu biết về các VB đã ĐH vào việc đọc các loại VB khác nhau, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ học tập, các nhiệm vụ trong đời sống yêu cầu dùng đến hoạt động ĐH.

Việc ĐH không chỉ rèn luyện cho HS NL tiếp nhận VB mà còn rèn luyện NL tạo lập VB, đặc biệt là NL liên hệ, trải nghiệm riêng từ VB đến cuộc sống, ở việc trình bày ra những ý tưởng, giải pháp để giải quyết một tình huống thực tiễn... Bên cạnh đó, theo định hướng đổi mới kiểm tra đánh giá mà BGDDT đưa ra, đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) theo 4 mức nhận biết (HS phải nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học), thông hiểu (HS phải diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh, áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập); vận dụng (yêu cầu HS phải kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học); vận dụng cao (yêu cầu HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống

với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống).[8]

Nói thêm về yêu cầu tương đương VB trong SGK đã nêu ở phần 2.2, bên cạnh những yếu tố loại thể, về đề tài – chủ đề, về độ khó/ độ phức tạp... còn cần phải bàn đến vấn đề ưu tiên loại thể VB mà HS đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm tiếp nhận. Nói khác đi, việc lựa chọn VB đọc hiểu phải dành sự quan tâm đến loại thể VB có thời lượng được tổ chức dạy học nhiều/ có nhiều bài học liên quan trong SGK Ngữ văn, với những tiểu loại VB đa dạng, phong phú. Trong SGK Ngữ văn lớp 10 và 11 hiện nay của cả ba bộ sách, dễ thấy bài học dành cho VB văn học chiếm dung lượng nhiều hơn so với VB nghị luận và VB thông tin. Đặc biệt, thể loại truyện/ truyện ngắn và thơ được trở đi trở lại trong tất cả các lớp học từ 6 – 12.

2.3.2. Đề xuất

Với cấu trúc BH mới trong SGK của CT Ngữ văn 2018, với yêu cầu các câu hỏi theo 3 mức nhận biết – thông hiểu – vận dụng của phần ĐH trong đề thi tốt nghiệp THPT, việc lựa chọn ngữ liệu phải tính đến tiềm năng khai thác tích hợp của VB. Nghĩa là VB được chọn phải hàm chứa những kiến thức về Tiếng Việt, về Làm văn có thể sử dụng để tạo câu hỏi đánh giá NLĐH của HS ở mức nhận biết và thông hiểu. Hơn thế, khi đặt ra mục tiêu kiểm tra đánh giá NL, đưa HS vào tình huống tương tự với những gì đã học thì người lựa chọn ngữ liệu cần chú ý đến phạm vi kiến thức về Tiếng Việt, về Làm văn phù hợp với từng lớp.

Đồng thời, ba nội dung Văn học, Tiếng Việt và Làm văn đều có đồng quy ở tiếng Việt và đều có mục đích là hình thành cho HS NL sử dụng tiếng Việt trong tiếp nhận (đọc) và tạo lập (viết) VB. Do vậy, đề thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn theo hướng phát triển NL cần tích hợp đọc – viết như một yêu cầu bắt buộc. Từ đó, việc lựa chọn VB cho phần ĐH trong đề thi này cần hướng đến những VB đáp ứng tiềm năng khai thác tích hợp kỹ năng: vừa là ngữ liệu kiểm tra NL đọc, vừa là ngữ liệu đánh giá NL viết.

Từ yêu cầu về tiềm năng khai thác tích hợp, căn cứ vào quan điểm coi trọng kinh nghiệm ĐHB của HS và đề cao tính chính thể của VB nhằm tạo điều kiện cho HS ĐHVB một cách hiệu quả trong khoảng thời gian nhất định để hoàn thành bài thi, chúng tôi nhận thấy thứ tự ưu tiên giảm dần từ VB VH đến VB NL và cuối cùng là VB TT là một yêu cầu hợp lý đối với việc lựa chọn ngữ liệu sử dụng trong phần ĐH của đề thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn.

3. Kết luận

Yêu cầu về nguồn trích dẫn, yêu cầu về thứ tự ưu tiên và chất lượng VB (tương đương VB trong SGK, tiềm năng khai thác tích hợp cả kiến thức Văn học và Tiếng Việt, sử dụng để kiểm tra kỹ năng đọc và viết) chính là những nội dung mang tính nguyên tắc đối với việc lựa chọn VB ngữ liệu sử dụng trong phần ĐH của đề thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn. Dẫu vậy, đây cũng chỉ là kết quả bước đầu. Từ những yêu cầu này, người nghiên cứu phải hình thành nên hệ thống các tiêu chí cụ thể, khả thi để có thể lựa chọn được những VB ngữ liệu tốt phục vụ cho việc xây dựng đề thi Ngữ văn theo định hướng NL nói chung và đề thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn nói riêng. Chẳng hạn như yêu cầu “tương đương VB trong SGK” cần được chi tiết hóa thành các tiêu chí liên quan đến đề tài – chủ đề, đến độ khó/ độ phức tạp của VB (minh định dựa trên dung lượng, số lượng các từ khó trong VB, lĩnh vực tham chiếu gắn với VB...). Những điều này khẳng định nghiên cứu của chúng tôi cần thêm thời gian để hoàn thiện, bổ sung trước năm học 2024 – 2025 để góp phần phục vụ hiệu quả cho kì thi tốt nghiệp THPT đầu tiên của CT giáo dục phổ thông 2018.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH ban hành ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Tứ (chủ biên) và các cộng sự (2018), *Tâm lý học giáo dục*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh, tr.63 – 76
3. Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước (2023), Quyết định số 22/QĐ-HĐGSNN ban hành ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2023 (Phụ lục kèm theo quyết định), tr.157
4. Colette Gray và Macblain (2014), *Các lý thuyết học tập về trẻ em*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội, tr.146 – 153
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực*, Tài liệu hội thảo, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.28
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Đổi mới phương pháp dạy học, kỹ thuật xây dựng ma trận đề và biên soạn câu hỏi kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn*, Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý và giáo viên THPT (lưu hành nội bộ), tr.64 – 65
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Đổi mới dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn theo hướng năng lực*, Tài liệu hội thảo, Hà Nội, tr.113.